

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC NINH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 48/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 16/8/2022

V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH – TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Khánh Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Vui

2. Bà Phan Thị Ngọc Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lành – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Thanh Kỳ - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 154/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2022 về “tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đỗ Thị Minh T, sinh năm: 1983 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 1, khu phố N, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bình Phước

2. *Bị đơn:* Ông Đồng Viết B, sinh năm: 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 1, khu phố N, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 6 năm 2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đỗ Thị Minh T trình bày:

Bà T tự nguyện chung sống với ông Đồng Viết B và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L vào năm 2004. Vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng gần 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn do ông B đi làm xa và có mối quan hệ khác bên ngoài nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Nay nhận thấy không còn tình cảm, không thể hàn gắn và tiếp tục sống chung được nữa nên bà T xin ly hôn với ông B.

Về con chung: Bà T và ông B có 01 con chung tên Đồng Minh P, sinh ngày 18/4/2005, hiện đang sống chung với bà T. Khi ly hôn, bà T xin được nuôi con chung, không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con. Ngoài ra hiện bà T không mang thai, vợ chồng không có con nuôi.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có

Đối với bị đơn ông Đồng Viết B vắng mặt, trong quá trình giải quyết vụ án, ông Đồng Viết B khai:

Ông B thống nhất với bà T về quan hệ hôn nhân. Nay bà T xin ly hôn thì ông B cũng đồng ý ly hôn. Về con chung: Thống nhất có một con chung tên Đồng Minh P, sinh ngày 18/4/2005. Khi ly hôn, ông B đồng ý để bà T nuôi con chung. Vợ chồng không có con nuôi. Về tài sản chung và nợ chung đều không có.

Ngoài ra, do hiện đang chấp hành án tại trại giam nên ông B có đơn xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết, xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh phát biểu ý kiến:

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thực hiện thủ tục cấp tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh không có kiến nghị gì về tố tụng.

- Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội Đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị Minh T. Cho ly hôn giữa bà Đỗ Thị Minh T và ông Đồng Viết B.

Về con chung: Giao con tên Đồng Minh P, sinh ngày 18/4/2005 cho bà T nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng: Bà Đỗ Thị Minh T có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn và giải quyết về nuôi con chung với ông Đồng Viết B nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Xét ông B cư trú tại thị trấn L, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân

huyện Lộc Ninh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông B vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông B tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 67 ngày 10/8/2004 của Ủy ban nhân dân xã L, huyện L nên có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông B là hợp pháp.

[3] Đối với yêu cầu xin ly hôn của bà T, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo đơn khởi kiện và lời khai của bà T trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thì sau khi kết hôn khoảng 10 năm thì giữa bà T và ông B phát sinh mâu thuẫn, do ông B có mối quan hệ khác bên ngoài nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, ngoài ra ông B cũng đi làm ăn xa, thỉnh thoảng mới về nhà, vợ chồng không thường xuyên sống chung nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nay bà T xác định không còn tình cảm với ông B và yêu cầu được ly hôn. Đối với ông B, tại phiên Tòa ông vắng mặt do đang chấp hành án tại trại giam, trong quá trình giải quyết Tòa án đã tiến hành lấy lời khai ông B và ông cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T. Như vậy, có căn cứ để xác định tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông B đã trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T.

[4] Về con chung: Bà T và ông B có 01 con chung tên Đồng Minh P, sinh ngày 18/4/2005, hiện đang sống chung với bà T. Khi ly hôn bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi con, ông B cũng đồng ý để con cho bà T nuôi dưỡng. Đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành lấy lời khai đối với cháu P và cháu có nguyện vọng được ở với bà T. Do đó, xét yêu cầu của bà T về việc tiếp tục nuôi dưỡng con chung là phù hợp, đảm bảo cuộc sống ổn định và điều kiện về mọi mặt của con theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

[8] Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà T phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 39 Bộ luật dân sự;

- Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Minh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Đỗ Thị Minh T và ông Đồng Viết B

2. Về con chung: Giao con tên Đồng Minh P, sinh ngày 18/4/2005 cho bà T nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì quyền lợi của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên theo luật định.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không có

5. Về án phí: Bà T chịu 300.000đ án phí Hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh theo biên lai thu tiền số 0009909 ngày 21/6/2022.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Bình Phước ;
- VKSND huyện Lộc Ninh;
- CC.THADS huyện Lộc Ninh;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Khánh Duyên

